

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 24 - 9 - 2024.

V/v ly hôn giữa bà H và ông T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Đông.

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Bích H, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số nhà 30, khóm T, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Châu Văn T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số nhà 30, khóm T, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20 tháng 5 năm 2024 nguyên đơn bà Trịnh Thị Bích H trình bày: Bà và ông T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông Châu Văn T.

Bà và ông T chung sống với nhau có 02 người con chung tên Châu Bích P, sinh năm 1996 và Châu Thị Bích N, sinh năm 2002, các con đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung; nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ông Châu Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trịnh Thị Bích H và ông Châu Văn T chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, nên bà H có đơn yêu cầu xin được ly hôn với ông T, ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà H cùng ông T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995, mặc dù sau đó cả hai đều có điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng lại không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, nên việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là không có cơ sở chấp nhận, mà áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà H và ông T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Bà H là người cao tuổi, nên bà được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trịnh Thị Bích H và ông Châu Văn T.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị Bích H được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng

